

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 54

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2021

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2021

30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40

Số tham chiếu: 60752790/22630208/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được lập vào ngày 27 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 385.835.233 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 7.065.588.821 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 31 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để phản ánh các điều chỉnh nhằm sửa chữa các sai sót đã thực hiện trong kỳ trước.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nói trên.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.573.914.935	4.480.020.883
110	I. Tiền		76.529.411	18.717.492
111	1. Tiền	5	76.529.411	18.717.492
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.459.422.465	4.432.812.503
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	290.004.452	467.532.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	289.070.007	290.649.046
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	5.619.202.575	4.695.370.576
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.050.376.283	884.586.489
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8, 9	(1.789.230.852)	(1.905.325.863)
140	III. Hàng tồn kho	10	31.533.933	23.063.944
141	1. Hàng tồn kho		31.533.933	23.063.944
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.429.126	5.426.944
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		263.220	275.394
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.038.327	1.967.635
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.183.915
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.998.173.395	11.336.186.802
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.240.299.594	2.707.316.687
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	3.529.127.856	2.591.677.765
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	221.135.381	118.108.279
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(509.963.643)	(2.469.357)
220	II. Tài sản cố định		183.228.138	186.932.639
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	157.308.924	160.372.389
222	Nguyên giá		290.840.416	289.436.944
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(133.531.492)	(129.064.555)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	25.919.214	26.560.250
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.530.938)	(13.889.902)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	63.921.720	65.237.146
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.154.111)	(8.838.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.445.108	11.355.948
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.445.108	11.355.948
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	5.487.509.580	8.354.085.245
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.152.737.553	8.418.504.194
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.779.986.721	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(450.214.694)	(76.778.990)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.769.255	11.259.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	11.503.353	11.235.076
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.2	265.902	24.061
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.572.088.330	15.816.207.685

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.819.930.234	9.676.729.356
310	I. Nợ ngắn hạn		2.255.540.783	2.417.473.192
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	156.651.024	114.348.264
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	10.124.480	16.234.635
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	939.883	1.544.356
314	4. Phải trả người lao động	18	9.162.942	11.475.806
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.660.202.350	1.344.093.841
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		409.091	409.091
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	100.237.304	250.390.699
320	8. Vay ngắn hạn	21	317.710.199	678.872.990
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		6.564.389.451	7.259.256.164
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	735.355.168	817.366.279
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	21	5.815.865.761	6.428.613.238
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		5.501.896	5.610.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.752.158.096	6.139.478.329
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	5.752.158.096	6.139.478.329
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗ lũy kế		(7.065.588.821)	(6.678.268.588)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(6.679.753.588)	(5.649.837.069)
421b	- Lỗ trong kỳ		(385.835.233)	(1.028.431.519)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.572.088.330	15.816.207.685


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	166.674.260	247.132.523
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(3.255.739)	(11.932.239)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	163.418.521	235.200.284
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(154.237.159)	(222.882.021)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.181.362	12.318.263
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	687.298.419	488.099.301
22	7. Chi phí tài chính	25	(668.618.194)	(403.007.555)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(283.229.126)	(391.551.571)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(12.066.455)	(24.274.565)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(397.907.081)	(1.175.123.581)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(382.111.949)	(1.101.988.137)
31	11. Thu nhập khác	27	490.705	1.036.861
32	12. Chi phí khác	27	(4.455.830)	(23.974.149)
40	13. Lỗ khác	27	(3.965.125)	(22.937.288)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(386.077.074)	(1.124.925.425)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.2	241.841	(28.601)
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(385.835.233)	(1.124.954.026)



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(386.077.074)	(1.124.925.425)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	6.423.932	7.196.579
03	Dự phòng		764.834.978	1.162.737.199
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.081.892	1.187.359
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(686.900.613)	(486.215.758)
06	Chi phí lãi vay	25	283.229.126	391.551.571
08	Lỗ của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.407.759)	(48.468.475)
09	Giảm các khoản phải thu		22.662.001	355.088.231
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(8.469.989)	4.673.768
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(127.044.307)	145.489.908
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(256.103)	215.642
14	Tiền lãi vay và lãi HDHTKD đã trả		(40.338.762)	(314.615.909)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.485.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(172.339.919)	142.383.165
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(228.076)	(809.901)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-	-
23	Tiền chi cho vay		(3.515.720.817)	(912.048.276)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.598.209.876	406.371.203
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(108.511.316)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.224.851.488	84.938.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		14.693.581	395.305.007
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.213.294.736	(26.243.967)

108
CÔ
:HN
IST
VIỆ
-7F

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	84.707	35.084.263
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(983.227.605)	(249.668.223)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(983.142.898)	(214.583.960)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		57.811.919	(98.444.762)
60	Tiền đầu kỳ		18.717.492	116.834.469
70	Tiền cuối kỳ	5	76.529.411	18.389.707



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Ngày 27 tháng 8 năm 2021



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

18C
G
M H
Y
N
H C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau.

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	82,67
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	82,67
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Champasak, Lào	Đang hoạt động	82,67
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(5) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,50
(6) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 167 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 183).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 385.835.233 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, và cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 7.065.588.821 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 21 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng giữa niên độ hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

0307
 C
 RÁCH
 ERN
 V
 17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3118
 NG
 HIỆM H
 T & Y
 T NA
 P HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Y
U H A
U N I
A
H I V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

5. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	1.179.821	673.251
Tiền gửi ngân hàng	75.349.590	18.044.241
TỔNG CỘNG	76.529.411	18.717.492



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	261.776.000
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.271.018	176.576.000
- Phải thu khác	-	85.200.000
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.231.886	124.049.889
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	33.097.659	50.978.125
Phải thu tiền bán căn hộ	1.353.889	1.364.135
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	50.000	29.364.106
TỔNG CỘNG	290.004.452	467.532.255
Dự phòng phải thu khó đòi	(51.902.126)	(8.579.854)
GIÁ TRỊ THUẦN	238.102.326	458.952.401
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên thứ ba	191.541.503	307.950.268
Phải thu các bên liên quan (TM số 29)	98.462.949	159.581.987

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	8.579.854	24.654.386
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	45.835.781	33.786.881
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.513.509)	(13.058.458)
Số cuối kỳ	51.902.126	45.382.809

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	289.070.007	290.649.046
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho bên liên quan (TM số 29)	286.841.877	286.841.877
Trả trước cho các bên thứ ba	2.228.130	3.807.169



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29) (i)	5.540.853.356	4.532.763.528
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	78.349.219	162.607.048
	<u>5.619.202.575</u>	<u>4.695.370.576</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 29) (i)	3.127.452.343	2.573.947.288
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	384.512.430	500.000
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.163.083	17.230.477
	<u>3.529.127.856</u>	<u>2.591.677.765</u>
TỔNG CỘNG	9.148.330.431	7.287.048.341
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	<u>(1.822.757.535)</u>	<u>(1.748.914.571)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	7.325.572.896	5.538.133.770

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	1.748.914.571	4.447.830.498
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	551.629.388	1.115.229.359
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(477.786.424)	-
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	-	(279.485.936)
Số cuối kỳ	<u>1.822.757.535</u>	<u>5.283.573.921</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	1.312.793.892	2.165.483.635
Dài hạn	509.963.643	3.118.090.286



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nợ gốc đầu kỳ và nợ gốc cuối kỳ (USD)	748.826	748.826
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)	17.163.083	17.230.477

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
		Ngàn VND
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	778.240.518	711.029.198
Phải thu lãi cho vay	243.090.280	152.642.354
Tạm ứng cho nhân viên	24.915.764	18.081.410
Phải thu khác	4.129.721	2.833.527
	1.050.376.283	884.586.489
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	218.768.540	115.741.438
Phải thu khác	2.366.841	2.366.841
	221.135.381	118.108.279
TỔNG CỘNG	1.271.511.664	1.002.694.768
Dự phòng phải thu khó đòi	(424.534.834)	(150.300.795)
GIÁ TRỊ THUẦN	846.976.830	852.393.973
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)</i>	<i>970.747.061</i>	<i>809.182.797</i>
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 29)</i>	<i>210.296.708</i>	<i>115.557.606</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>90.467.895</i>	<i>77.954.365</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	150.300.795	874.827.850
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	278.149.355	109.433.823
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.915.316)	(99.250.646)
Trừ: Xóa sổ dự phòng lập trong kỳ	-	(105.482.314)
Số cuối kỳ	<u>424.534.834</u>	<u>779.528.713</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	424.534.834	75.336.989
Dài hạn	-	704.191.724

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.451.518	5.595.095
Nguyên vật liệu	10.721.794	9.650.843
Công cụ, dụng cụ	2.294.685	5.381.176
Hàng hóa	1.007.601	2.378.495
Thành phẩm	58.335	58.335
TỔNG CỘNG	<u>31.533.933</u>	<u>23.063.944</u>

302-c
TY
HỮU H
YOUN
AM
CHỈ M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	227.679.188	19.357.265	32.425.240	3.177.751	6.689.440	108.060	289.436.944
Mua mới trong kỳ	361.931	301.586	-	771.945	-	-	1.435.462
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	(31.990)	-	-	(31.990)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>228.041.119</u>	<u>19.658.851</u>	<u>32.425.240</u>	<u>3.917.706</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>290.840.416</u>
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	3.334.242	7.653.038	16.373.944	2.637.605	6.689.440	108.060	36.796.329
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(74.903.472)	(18.154.535)	(26.212.286)	(2.996.762)	(6.689.440)	(108.060)	(129.064.555)
Khấu hao trong kỳ	(3.213.390)	(410.330)	(752.541)	(91.209)	-	-	(4.467.470)
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	533	-	-	533
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(78.116.862)</u>	<u>(18.564.865)</u>	<u>(26.964.827)</u>	<u>(3.087.438)</u>	<u>(6.689.440)</u>	<u>(108.060)</u>	<u>(133.531.492)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>152.775.716</u>	<u>1.202.730</u>	<u>6.212.954</u>	<u>180.989</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>160.372.389</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>149.924.257</u>	<u>1.093.986</u>	<u>5.460.413</u>	<u>830.268</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>157.308.924</u>
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 30)	103.202.013	-	5.460.413	-	-	-	108.662.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	(13.889.902)	(13.889.902)
Hao mòn trong kỳ	-	(641.036)	(641.036)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	(14.530.938)	(14.530.938)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	25.278.179	1.282.071	26.560.250
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	25.278.179	641.035	25.919.214
<i>Trong đó:</i>			
Nguyên giá của tài sản đã hao mòn hết	-	4.915.407	4.915.407
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay (TM số 30)	25.278.179	-	25.278.179

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(945.729)	(1.315.426)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(4.066.668)	(6.087.443)	(10.154.111)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	23.375.051	41.862.095	65.237.146
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	23.005.354	40.916.366	63.921.720
<i>Trong đó:</i>			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay (TM số 30)	23.005.354	40.916.366	63.921.720



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	518.325	1.191.118
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.315.426	1.315.426

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên các ước tính hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào các công ty con (TM số 14.1)	4.152.737.553	8.418.504.194
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 14.3)	1.779.986.721	7.360.041
TỔNG CỘNG	5.937.724.274	8.430.864.235
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(450.214.694)	(76.778.990)
GIÁ TRỊ THUẬN	5.487.509.580	8.354.085.245



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (*)	Nông nghiệp	82,67	2.101.791.000	(314.150.663)	78,22	1.977.146.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi và trồng trọt	88,03	1.822.042.563	-	88,03	1.822.042.563	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai (**)	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	112.125.000	(112.125.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (***)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	40,29	4.443.536.641	-
TỔNG CỘNG			4.152.737.553	(444.054.653)		8.418.504.194	(76.778.990)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi"), công ty con của Công ty, từ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Heygo với giá trị là 124.645.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 78,22% lên 82,67% kể từ ngày này.

(**) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã mua thêm 5.312.500 cổ phần được phát hành mới theo mệnh giá trong Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao Hoàng Anh Gia Lai"), công ty con của Công ty với giá trị là 53.125.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Thể thao Hoàng Anh Gia Lai tăng từ 51,00% lên 97,50% kể từ ngày này.

(***) Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua Nghị Quyết Số 0801/21/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico về việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO") để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động của HNG. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của THAGRICO trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 41.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 612.960.438 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 199.073.407 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 36,55%.

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 75.000.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 844.009.828 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 96.644.535 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 36,55% xuống còn 29,78%.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 72.110.385 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 825.936.462 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 107.177.128 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 29,78% xuống còn 23,28%.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 79.870.455 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 856.439.777 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 60.027.210 ngàn VND (TM 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 23,28% xuống còn 16,07% và khoản đầu tư vào HNG được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác kể từ ngày này.

2-C
 Y
 JHA
 JNC
 I
 H M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	(5.000.000)	25,00	5.000.000	-

14.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (TM số 14.1)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	16,07	1.772.626.680	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	-	2,00	6.200.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	-
TỔNG CỘNG			1.779.986.721	(1.160.041)		7.360.041	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền thuê đất trả trước	8.609.091	8.609.091
Công cụ, dụng cụ	1.503.707	1.653.762
Chi phí trả trước khác	1.390.555	972.223
TỔNG CỘNG	11.503.353	11.235.076

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	156.651.024	113.677.123
Phải trả khác	-	671.141
TỔNG CỘNG	156.651.024	114.348.264
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 29)</i>	111.553.459	41.530.520
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	45.097.565	72.817.744

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	10.124.480	9.801.676
Nhận ứng trước của khách hàng dịch vụ xây dựng	-	6.432.959
TỔNG CỘNG	10.124.480	16.234.635
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nhận ứng trước từ các bên liên quan (TM số 29)</i>	8.640.087	15.073.046
<i>Nhận ứng trước từ các bên thứ ba</i>	1.484.393	1.161.589

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập cá nhân	1.308.062	2.192.586	(2.966.307)	534.341
Thuế giá trị gia tăng	168.340	11.656.862	(11.484.890)	340.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	-	-	65.230
Khác	2.724	1.166.922	(1.169.646)	-
TỔNG CỘNG	1.544.356	15.016.370	(15.620.843)	939.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.637.709.428	1.320.191.343
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí hoạt động	4.121.660	4.108.660
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	3.885.730
Khác	35.974	-
	<u>1.660.202.350</u>	<u>1.344.093.841</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	<u>735.355.168</u>	<u>817.366.279</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.395.557.518</u>	<u>2.161.460.120</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	54.776.435	99.199.471
Phải trả do thu hộ	42.686.049	43.409.187
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (i)	-	104.112.630
Khác	2.774.820	3.669.411
	<u>100.237.304</u>	<u>250.390.699</u>
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	<u>7.666.626</u>	<u>7.666.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>107.903.930</u>	<u>258.057.325</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>81.504.428</i>	<i>116.356.081</i>
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)</i>	<i>26.399.502</i>	<i>141.701.244</i>

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	317.710.199	625.730.091
Vay ngắn hạn khác	-	53.142.899
	<u>317.710.199</u>	<u>678.872.990</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn	<u>5.815.865.761</u>	<u>6.428.613.238</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.133.575.960</u>	<u>7.107.486.228</u>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	678.872.990	6.428.613.238	7.107.486.228
Vay mới trong kỳ	84.707	-	84.707
Trả nợ gốc vay trong kỳ	(363.227.605)	(620.000.000)	(983.227.605)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.980.107	7.252.523	9.232.630
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>317.710.199</u>	<u>5.815.865.761</u>	<u>6.133.575.960</u>

Trái phiếu thường

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) ("HDBS")	-	930.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(42.424.040)	(51.656.671)
TỔNG CỘNG	<u>6.133.575.960</u>	<u>7.054.343.329</u>
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu thường dài hạn	5.815.865.761	6.428.613.238
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	317.710.199	625.730.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2021: 7,60 - 8,60)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông, Lào do Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh làm chủ sở hữu; 9.231,6 ha (trồng cao su) tại tỉnh Attapeu, Lào do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; Quyền sử dụng và khai thác 5.357 ha cọ dầu trên diện tích đất 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia của Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,7 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH C.R.D; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG Công ty do Chủ tịch HĐQT nắm giữ.
Chi phí phát hành trái phiếu		(42.046.476)				
TỔNG CỘNG		5.833.953.524				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		5.516.243.325				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		317.710.199				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Các cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị là 1.483.114.105 ngàn VND. Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Ngân VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2021: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
	Chi phí phát hành trái phiếu	(377.564)				
TỔNG CỘNG		299.622.436				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		299.622.436				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

						Ngàn VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)						
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(737.210.940)	12.080.535.977
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(1.124.954.026)	(1.124.954.026)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>(1.862.164.966)</u>	<u>10.955.581.951</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(6.678.268.588)	6.139.478.329
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(385.835.233)	(385.835.233)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>(7.065.588.821)</u>	<u>5.752.158.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu gộp	166.674.260	247.132.523
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	112.904.791	28.587.634
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	36.948.822	201.594.558
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	16.820.647	16.950.331
Khoản giảm trừ	(3.255.739)	(11.932.239)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(3.255.739)	(11.932.239)
Doanh thu thuần	163.418.521	235.200.284
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	112.904.791	28.587.634
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	33.693.083	189.662.319
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	16.820.647	16.950.331
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	153.277.069	119.746.164
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	10.141.452	115.454.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (TM số 14.1)	462.922.280	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	223.911.577	486.170.303
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	384.603	1.928.998
Thu nhập cổ tức	79.959	-
TỔNG CỘNG	687.298.419	488.099.301
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ các bên thứ ba	477.646.324	12.880.915
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 29)	209.652.095	475.218.386

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn dịch vụ cung cấp	113.280.303	26.147.078
Giá vốn bán trái cây	25.435.443	172.999.669
Giá vốn hàng hóa đã bán	15.521.413	23.735.274
TỔNG CỘNG	154.237.159	222.882.021

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	373.435.704	-
Chi phí lãi vay	283.229.126	391.551.571
Chi phí lãi HĐHTKD	1.759.667	9.588.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.735.022	1.867.984
Khác	8.458.675	-
TỔNG CỘNG	668.618.194	403.007.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)</i>
<i>Ngàn VND</i>		
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.275.419	23.411.743
Chi phí lương nhân viên	414.555	414.504
Chi phí bán hàng khác	376.481	448.318
	<u>12.066.455</u>	<u>24.274.565</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dự phòng	369.043.890	1.146.140.959
Chi phí lương nhân viên	17.185.787	15.830.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.353.620	8.882.338
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.183.114	3.551.303
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.140.670	718.562
	<u>397.907.081</u>	<u>1.175.123.581</u>
TỔNG CỘNG	<u>409.973.536</u>	<u>1.199.398.146</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<i>Ngàn VND</i>		
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	490.705	1.036.861
Chi phí khác		
Khấu hao tài sản không sử dụng	815.511	-
Các khoản phạt	202.100	6.088.977
Xóa sổ công nợ	-	16.596.240
Lỗi thanh lý tài sản	-	479.896
Chi phí khác	3.438.219	809.036
	<u>4.455.830</u>	<u>23.974.149</u>
LỖ KHÁC	<u>(3.965.125)</u>	<u>(22.937.288)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
	(241.841)	28.601
TỔNG CỘNG	(241.841)	28.601

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên lỗ tính thuế của kỳ hiện tại và kỳ trước. Lỗ tính thuế khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lợi nhuận tính thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(386.077.074)	(1.124.925.425)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	798.148.095	1.169.864.617
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.209.204	(7.066)
Thu nhập cổ tức	(79.959)	-
Lợi nhuận tính thuế ước tính trong năm hiện hành	413.200.266	44.932.126
Lỗ năm trước chuyển sang	(413.200.266)	(44.932.126)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.230	65.230
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 18)	65.230	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại/(thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	473.444	473.444	-	(27.188)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(207.542)	(449.383)	241.841	(1.413)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	265.902	24.061		
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại			241.841	(28.601)

28.3 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 346.172.020 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 759.372.286 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Ngàn VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
2017	2022	297.365.053	(297.365.053)	-
2018	2023	78.379.982	(78.379.982)	-
2019	2024	383.627.251	(37.455.231)	346.172.020
TỔNG CỘNG		759.372.286	(413.200.266)	346.172.020

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	1.088.916.833	-
		Thu hồi cho vay	72.500.000	-
		Lãi cho vay	24.574.230	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.723.731	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	230.000	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	165.632.504	358.897.963
		Mua hàng hóa và dịch vụ	95.890.813	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	81.623.121	-
		Lãi cho vay	6.653.039	19.779.364
		Chi hộ	1.800.000	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	161.506.120	190.615.636
		Lãi cho vay	152.603.791	144.202.563
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	372.736.787	72.870.074
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.258.676	83.118.703
		Lãi cho vay	12.888.261	176.020.273
		Mua hàng hóa và dịch vụ	12.194.496	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Cho vay	114.260.000	-
		Lãi cho vay	886.982	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	100.742.000	-
		Cho mượn	3.300.000	-
		Lãi cho vay	2.337.868	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	1.755.556	3.600.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	17.189.492	-
		Lãi cho vay	7.170.358	7.390.284
		Mua hàng hóa và dịch vụ	182.182	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	57.797	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.718.393	9.502.501
		Lãi cho vay	2.007.117	2.018.206
		Mua hàng hóa và dịch vụ	679.334	-
		Chi hộ	271.927	-
		Tạm ứng mua hàng hóa	-	88.119.770
Công ty TNHH MTV Phát Triển Nông Nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.086.370	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	965.115	-
		Mua tài sản	566.154	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	68.812	14.990.743
		Cho vay	-	240.000.000
		Lãi cho vay	-	106.649.790
Lãi nhập gốc	-	154.101.500		
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	425.860	-
		Cho mượn	-	15.403.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà máy nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	19.377	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Thuê văn phòng	359.673	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho mượn	159.863	-
		Lãi HĐHTKD	-	2.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	51.038 39.333	- -
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.408	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD	4.113	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	46.272.534	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	8.219.263	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.132.743	7.240.221
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.946.789	4.702.319
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà máy nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	364.024	5.444.663
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	28.380.641
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thanh lý TSCĐ Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán hàng hóa	- - -	26.283.627 12.323.541 7.115.198
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	17.022.884
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	9.932.702
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	7.471.281
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	429.938	567.252
			98.462.949	159.581.987

03/03/21
C
IACH
RNS
VII
7-71

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Lê Me (*)	Công ty liên quan	Cho vay	3.781.163.856	3.644.498.048
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (*)	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	1.050.000.000	737.585.456
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang (**)	Công ty liên quan	Cho vay	500.000.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức (***)	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	102.165.041	-
Ông Nguyễn Kim Luân (*)	Cổ đông	Cho vay	64.431.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (*)	Công ty con	Cho vay	38.883.530	8.907.530
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai (*)	Công ty liên quan	Cho vay	4.209.929	86.936.725
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	-	49.900.701
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà máy Nhựa	Công ty liên quan	Cho vay	-	3.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	-	1.811.406
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	123.662
			5.540.853.356	4.532.763.528

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2021 với lãi suất trung bình từ 4,80%/năm đến 12,50%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ, đầu tư vào các dự án và tài trợ vốn lưu động trong các công ty này.

(**) Khoản này thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang") vay với thời hạn hoàn trả trong năm 2022 với lãi suất 6,15%/năm và được đảm bảo bằng tài sản của Lơ Pang.

(**) Khoản này thể hiện khoản cho Ông Đoàn Nguyên Đức vay với thời hạn hoàn trả trong năm 2022 với lãi suất 10,00%/năm và được đảm bảo bằng các tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (*)	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	986.677.271	1.301.191.816
Công ty Cổ phần Lê Me (*)	Công ty liên quan	Cho vay	726.305.996	726.305.996
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang (**)	Công ty liên quan	Cho vay	516.416.833	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (*)	Công ty con	Cho vay	496.918.788	124.182.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai (*)	Công ty liên quan	Cho vay	116.026.288	100.000.000
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (*)	Công ty con	Cho vay	112.248.992	198.827.184
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (*)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	107.039.672	107.459.985
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty con	Cho vay	49.900.701	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (*)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	15.917.802	15.980.307
			3.127.452.343	2.573.947.288

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 4,80%/năm đến 13,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ, đầu tư vào các dự án và tài trợ vốn lưu động trong các công ty này.

(**) Khoản này thể hiện khoản cho Lơ Pang vay với thời hạn hoàn trả trong năm 2024 với lãi suất 8,6%/năm và được đảm bảo bằng tài sản của Lơ Pang.

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. Công ty cũng sẽ tiếp tục đưa nội dung này vào xin phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông cho năm 2020, dự kiến tổ chức vào tháng 9 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	589.012.448 -	534.708.112 15.147.635
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	199.112.183	112.367.032
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	142.895.282	56.879.963
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	23.856.246	22.873.208
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	10.699.315	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	2.337.868	-
		Khác	16.264	26.121
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Lãi cho vay	886.983	-
		Cho mượn	-	65.490.397
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	1.930.472	1.690.329
			970.747.061	809.182.797



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	58.979.324	4.805.684
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	52.064.780	45.411.741
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	36.041.396	29.854.077
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	21.999.386	21.999.386
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	14.313.828	1.425.567
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	13.874.915	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.458.694	10.499.762
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.555.282	1.561.389
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	1.009.103	-
			210.296.708	115.557.606



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)				
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	821.526	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tạm	682.739	594.335
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	100.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tạm	-	9.408.242
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HĐHTKD	-	4.112.630
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ	-	1.812.809
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	2.125.487	3.003.478
			26.399.502	141.701.244

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.264.836	1.241.364
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	1.054.338	1.038.947
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	617.977	663.291
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	718.531	-
Các cá nhân khác		1.212.136	3.333.478
TỔNG CỘNG		4.867.818	6.277.080

(*) Bao gồm tiền lương và các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	35.634.684	34.329.296
TỔNG CỘNG	42.143.794	40.838.406

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m² thuộc sở hữu của Công ty; và
- 76.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty và Bá Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV Thanh Hóa để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Như đã trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong năm 2020, do các ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các đối tác nói riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện rà soát lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày từ các năm tài chính trước đây. Theo đó, căn cứ vào các khoản lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tác và các khó khăn nói chung trong ngành nông nghiệp đã phát sinh từ những năm trước, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét lại cơ cấu tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu tồn đọng và thu thập thêm các thông tin quá khứ về khả năng thanh toán của các đối tác mà trước đây chưa thể thu thập được do các giới hạn về thời gian và nguồn nhân lực, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy việc ước tính khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tồn đọng lâu ngày tại thời điểm lập báo cáo tài chính các năm trước chưa phản ánh đầy đủ rủi ro tồn thất của các khoản phải thu này. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 liên quan đến dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi lớn trong quá khứ với chi tiết như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trình bày lại)</i>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(28.846.682)	(1.146.276.899)	(1.175.123.581)
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	21.351.474	(1.146.276.899)	(1.124.925.425)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	21.322.873	(1.146.276.899)	(1.124.954.026)
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trình bày lại)</i>
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020			
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	21.351.474	(1.146.276.899)	(1.124.925.425)
Dự phòng	16.460.300	1.146.276.899	1.162.737.199

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Nợ khó đòi đã xử lý (Ngàn VND)		
- Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	390.607.534	412.962.919
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon tum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	394.327.534	416.682.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập một công ty con mới tại Tỉnh Kon Tum, là Công ty TNHH MTV Bờ Y với số vốn điều lệ 50.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 0607/21/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 7 năm 2021. Hoạt động chính được đăng ký của công ty là sản xuất điện.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2021

T.N.H.H
H.M.H